

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 29-4-2021.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum;

Bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dư Tuyết N, sinh năm 1985; cư trú tại: ấp BP, xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1977; cư trú tại: ấp BP, xã PB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2020 và bản tự khai - nguyên đơn chị Dư Tuyết N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, không có tổ chức lễ cưới. Đến năm 2003, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở ấp BP, xã BT, huyện TB (nay là xã PB, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh K thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập chị. Tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh K không có thiện chí hàn gắn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Nhật P, sinh năm 2003, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

Anh và chị N chung sống với nhau từ năm 2003, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh (nay là xã Phước Bình). Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh ở ấp Bình Phú, xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng (nay là xã Phước Bình, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn và chị N bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Nhật P, sinh ngày 16-01-2003, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Nay chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Về con chung đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Du Tuyết N và anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh K có 01 con chung tên Nguyễn Nhật P, sinh ngày 16-01-2003, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dư Tuyết N và bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh K chung sống với nhau vào năm 2003, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện TB (nay là xã PB, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh. Chị N và anh K chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là anh K thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập chị, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Qua xác minh hàng xóm của anh K xác nhận: chị N đã về huyện Đức Hòa, tỉnh Long An sinh sống từ năm 2018, từ năm 2018 đến nay không thấy chị N về sống với anh K.

Nay chị N yêu cầu ly hôn, xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N; Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Nhật P, sinh ngày 16-01-2003, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dư Tuyết N và anh Nguyễn Văn K.

Chị Dư Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Nhật P, sinh ngày 16-01-2003, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dư Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0014567 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.TB;
- Chi cục THADS TX.TB;
- UBND xã PB;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm